

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: **209/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tập

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1980

Địa chỉ: phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T; Sinh năm 1978

Địa chỉ: phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND Thị Trấn S, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù bà L đã cố gắng chịu đựng và mong ông thay đổi để chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả. Chính vì vậy mà Ông Bà đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay, không ai quan tâm đến đến cuộc sống của ai.

Nay bà L xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên mong tòa giải quyết cho chị được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng Ông Bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N – Sinh ngày 04/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh năm 2012. Hiện nay bà L đang nuôi dưỡng. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn thì bà L có nguyện vọng được tiếp tục được nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Ng với mức 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T và bà L cư trú thì chính quyền địa phương cho biết bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh T có quan hệ vợ chồng và sinh sống tại địa phương. Quá trình sinh sống thì Ông Bà có phát sinh mâu thuẫn do ông T thường uống rượu rồi về gây gỗ to tiếng với vợ con.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Minh T, nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn và nuôi con”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh T tại nơi cư trú nhưng anh Bảo không đến Tòa án tham gia tố tụng. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai bà L cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân bà L và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, hiện nay bà L không còn tình cảm gì với ông T nữa. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T và được chính quyền địa phương cho biết vợ chồng Ông Bà cũng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông T uống rượu say rồi về nhà gây gổ với vợ con. Hiện tại vợ chồng cũng đã sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....

Về con chung: Vợ chồng Ông Bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N – Sinh ngày 04/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh năm 2012. Hiện nay bà L đang nuôi dưỡng. Ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không biết nguyện vọng của ông T về con chung. Vì vậy, cần giao con chung của vợ chồng cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà L phải nuôi dưỡng hai cháu nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh năm 2012 với mức 2.000.000đ/tháng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng: khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu N – Sinh ngày 04/11/2004 và cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Kim Ng – Sinh năm 2012 với mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0002103 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Ông Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú

